

TRIAN

TAP CH

THUẬT
SINH

TRI-TÂN TẠP-CHÍ

RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC SỐ 198

Cải cách giáo dục...	Lương-Hải
Tây hướng	Cầm-Lai
Một vị danh thần tr ầu Nguyễn (I)	Trúc-Khê
Đ ả nam đặt sự (LXVII)	Ứng-hòa
Mỹ thuật với việc kiến thiết	
quốc gia	Họa sĩ An-Son
Tài liệu đề d ịnh chính những bài	
văn c ờ (LXXXVII)	Nguyễn-văn-Tổ
Việt nam văn học sử (LXVII)	Ứng-hòa
Một ông huyện suýt bị d ền	Tiền-Đàm

GIÁ BẢO

Một năm	55 \$ 00
Sáu tháng	30 , 00
Ba tháng	15 , 00
Một số	1 , 20

TÒA BÁO

95 — 97 phố Chancéaulme — Hà-nội

Đại lý Ủy Viên ở các tỉnh

Quảng-vạn-Thành 54, phố Cầu-dắt — Hải-phòng
Vũ-ngọc-Cử 40, phố Đông kiều — Hải-duong

LỊCH VIỆT-NAM

năm Bình-tuất (1946-47)



Có những ngày Lịch - sử

AI mua xin đặt tiền trước

in có hạn

giá : 12 \$ 00

LONG BIÊN biên-tập

TRI-TÂN phát-hành

Đã có bán :

ĐÊM HỒI

LONG TRÍ

Lịch sử tiểu thuyết
của NG. H. TƯỜNG

GIÁ 3 \$ 60

TY XUẤT BẢN TRI-TÂN

95-97, Chancéaulme — HANOI

CẢI CÁCH GIÁO-DỤC

THÌ PHẢI CHẤN CHỈNH GIÁO GIỚI

LƯƠNG HẢI

MỞ đây bộ Giáo dục theo Thành ý thông tư các tỉnh mở lớp « Tu nghiệp » để huấn luyện giáo viên về tinh thần cải cách nền học vấn quốc gia.

Vấn đề Giáo dục là vấn đề rất cần, cần hơn cả các vấn đề khác, vì giáo dục là phương pháp rèn luyện dân chí và un đúc nhân tài.

Sống mà không có chí, thì sống như mọi rợ, như loài vật, làm nô lệ suốt đời.

Ông Mạnh Tử đã nói:

« Ăn no, mặc ấm, ở rồi, mà không có giáo dục, thì gần như giống vật ».

Nhân tài là lực lượng của quốc gia, nhân tài nhiều, nước hay, nhân tài ít, nước dở.

Đức vua Gia Long đã nói:

« Bình số có thể tăng ngay, binh khí có thể mua, đức được, đến như nhân tài thì phải tạo mấy đời mấy có ».

Giáo dục xem vậy rất có quan hệ đến vận mệnh tương lai của nước.

Nước ta ngày nay đang buổi nhu tài, Triều Đình nghĩ đến việc cải cách giáo dục là rất phải. Vì xét thấy nền giáo dục trong thời Pháp thuộc đã làm cho dân ta hầu mất hết chí khí mất hết năng lực, mất hết tinh cách tổ truyền của ta.

Giáo dục là gì? Giáo là dạy cho biết những điều chưa biết, dạy những điều lành mà theo, dạy những điều dữ mà lánh, dạy những điều phải mà bắt buộc dạy những điều trái mà bỏ đi, dạy bảo mở mang cho đức trí được trong sáng thành một người hoàn toàn có nhân cách, ích cho đời; - dục là nuôi, nuôi dưỡng, bồi đắp sức vóc được khoẻ mạnh để đủ tư cách đảm nhiệm cái tự do của mình và của người quanh mình.

Đó là ý nghĩa cốt yếu của giáo dục còn nghĩa rộng giáo dục là phương pháp rèn luyện dân chí, un đúc nhân tài, - o nên thường chia giáo dục ra làm ba độ: giáo dục trong gia đình, giáo dục ở học đường, và giáo dục tại xã hội.

Giáo dục đã là một phương pháp, thì phương pháp hay mà người thi hành dở, thì dù hay cũng hoá dở, vậy theo ngu kiến muốn cải cách giáo dục, trước hết phải chấn chỉnh giáo giới.

Giáo giới trong thời Pháp thuộc, theo một chế độ đối bại, đã bị người Pháp lợi dụng, không để họ một địa vị xứng đáng, nên vì thế, mà giáo viên vô tình làm thêm mục nát cái nền giáo dục đã mục nát của bọn thực dân.

Nay, chế độ Pháp thuộc đã hết, thì cũng nên nhậu lảo này, chấn chỉnh giáo giới.

Có thực mới việc được đạo.

Điều cần nhất lúc này là phải nâng cao đời sống của giáo viên để đảm bảo hai chữ « Thanh Cũn », trong giáo giới.

Điều thứ hai nên tuyển trạch giáo viên rất kỹ lưỡng, ngoài văn bằng tài học, nên lưu ý đến đạo đức, hạnh kiểm.

Thầy có ra thầy, thì trò mới nên trò.

Ta vẫn có câu: Thầy nào trò ấy.

Dân Việt Nam vốn là dân trọng văn học, nên đối với thầy, tất có cảm tình, lễ độ, cho nên ông thầy đã được đứng hàng trên nhà: (Quân, sư, phụ).

Tình nghĩa đối với ông thầy thật rất trung hậu, trung hậu thế là vì xưa ông thầy đáng là những nhà mô phạm đủ tư cách dẫn đạo cho con em.

Cổ nhân đã nói: « Đem việc làm dạy người ta, thì người ta theo, chỉ đem lời nói dạy người ta, thì người ta không phục ».

Ông thầy dạy học không phải chỉ giảng nghĩa lý trong sách, mà cần phải làm gương mẫu để học trò theo.

Như dạy trẻ tu thân lễ giáo mà ông thầy thân không tu

nhà không trị thì phỏng ra sao?

Dạy trẻ trung, liều, lễ, nghĩa, mà ông thầy phản quốc, đối trẻ lừa già, phóng đảng, loạn luân, thì phỏng dạy gì vậy?

Cho nên, ngày xưa, ông thầy dạy học phải là những bậc đức cả, tài cao, đủ tư cách làm thầy, vì thế nên dân gian tôn trọng kính nể.

Xưa vua Gia Long tuyển cụ Ngô Tùng Châu làm Phụ Đạo dạy Đông Cung, cụ dâng sớ từ chối:

«Tôi tài sơ, hạnh, học lại thuộc về văn ban nhứt nhất yếu ớt không kham nổi chức Phụ Đạo».

Vua phán: «Đông cung là ngôi nhĩ trong nước phải trọn người đứng dẫn làm Sư phó, khi ông có thầy thì không được, vậy chẳng nên từ».

Xem vậy, sự tuyển trạch thầy học rất quan hệ.

Thầy học ngày xưa, đều là những vị tài cao đức cả, hoặc từ quan về dạy học, hoặc là những nhà bác học, đại tài, đức độ thanh cao, chỉ khi xuất chúng muốn làm việc đào tạo nhân tài giúp nước làm phận sự, dễ trả nợ non sông, cho nên hết sức thận trọng trong việc giáo huấn. Vì thế nghìn năm học trò vẫn nhớ ơn thầy dạy dỗ.

Đời Trần, Chu Văn An, có học trở là Phạm Sư Mạnh làm đến Tể tướng, khi đi hầu, vẫn phải vòng tay đứng hầu ở dưới thêm.

Đời Trần, Chu Văn An, có học trở là Phạm Sư Mạnh làm đến Tể tướng, khi đi hầu, vẫn phải vòng tay đứng hầu ở dưới thêm.

Mới đây, cụ Võ Trường Toản trong Nam, dạy học cũng nhiều, khi Chúa Nguyễn vào Gia định, cụ tiến cử môn sinh là bọn: Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhơn Tịnh, Lê bá Phẩm, Phạm Ngọc Uân, Nguyễn Khắc Thiệu ra giúp nước, sau đều là công thần cả.

Cụ cử Võ Thạch Nguyễn dạy Đức, một nhà mô phạm đại

dại thần mà cũng thường mặc áo rộng đến đến nhà thầy bái yết.

Thật, thầy nào, trò ấy.

Ta lại có câu: Không thầy đồ mảy làm nên. Câu đó đủ tỏ ông thầy phải là người rất xứng đáng.

Thanh «Can trường» Thanh «Mạc đa» là gương báu đời xưa, nhưng cũng phải rửa mài mới nên được gương quý.

Gỗ thông, gỗ bạch là thứ gỗ tốt ở đời, nhưng không đẽo gọt thì sao thành kiếng dụng.

Trong tay người thợ khéo, hòn đất nặn làm ông bụt, nếu vào tay thợ vụng thì hòn đất chưa chắc đã được nên gì hay bị phí hoại.

Muốn xây một tòa nhà đẹp chắc, cần phải có vật liệu tốt, hiệp thợ giỏi thì mới hoàn toàn.

Cho nên giáo dục cũng như một tòa nhà, muốn xây dựng đẹp

chắc, tất phải tuyển trạch giáo viên cho cẩn thận.

Đông triều có câu: Học trò trong nước mà không có khí tiết thì thế nước hơi lỏng như người sắp chết.

Xin lấy câu đó để bạn đọc suy xét.

LUÔNG HẢI

HOÀNG - HỒN

*Hoàng hôn chìm xuống, đất lên cao
Đôi nhánh giao thêm lá giạt dáo
Sương xuống đặc dần màu tối sẫm
Đất dồn lên mãi mỗi xón xao*

*Màn trời bối rối bước vương vương
Mắt mở làm sao lạc nẻo đường
Gió tối hiền hòa, lòng bịn rịn
E dè, thoang thoang dạ lan hương*

*Xóm vắng nhà ai đã điểm đèn
Chập chờn chớm lửa lơ trong đêm
Tuồng đau hồn lạc còn thơ thẩn
Trong lúc trần - gian đắm lặng yên*

CAM-LAI

đanh, không ra làm quan, chỉ ở nhà dạy học. Môn anh cụ là ông Hồ Văn Tâm khi làm tuần phủ Thái Bình tới thăm nhà tự đi đùn nước pha trà để thầy uống, vì nhà cụ Cử ngỗ cò không có đầy tớ.

Lại Tùng thiện Vương có ông Nguyễn Trọng Hợp là học trò. Ông Hợp làm tới Phụ chánh

chắc, tất phải tuyển trạch giáo viên cho cẩn thận.

Đông triều có câu: Học trò trong nước mà không có khí tiết thì thế nước hơi lỏng như người sắp chết.

Xin lấy câu đó để bạn đọc suy xét.

LUÔNG HẢI

Vũ phạm Khải

MỘT VỊ VĂN HỌC DANH THẦN TRIỀU NGUYỄN

36 1

TRÚC-KHÉ

NHIỀU Nguồn về thế kỷ trước, các vua Minh-mệnh, Tự-đức đều là những vị vua văn học, mà dưới triều các vua, đã họp tập lại được nhiều tay văn-học danh-thần. Trong số những văn-học danh-thần thì ông Vũ phạm Khải, đáng kể là một tay xuất sắc. Song cái đời làm quan của vị danh thần Vũ-Phạm này kể cũng đã nhiều phen dời chim lặn dạn mà có quan hệ khá nhiều đến lịch sử. Nay xin biên tập sự trạng đời ông ra đây, để cung tài liệu cho những nhà nghiên cứu sử học sau này.

Vũ phạm Khải tự là Đôn-đương, hiệu là Ngụ-son, sinh năm Đinh mao (1807) niên hiệu Gia-long thứ 6. Khải tuổi nhỏ thông minh, học đâu nhớ đấy, có tiếng thần đồng. thụ nghiệp ở ba ông cậu ruột là Phạm tiết-Đạo và Phạm Song-Cần đều là những nhà nho hay chữ. Năm 14 tuổi đi học bị trượt, Khải lấy làm tức; đến trăn đời làm văn thi với người đồ dẫu rở, người dẫu rở sợ mà tránh. Học-quan lấy cái dẫu rở «Thơ g. Võ trợ» nghĩa là *đũa của vua Thanh vua, Vũ má ra thơ chó*. Khải liền đọc rằng:

*Võ kỹ Thanh bàn cổ hữu truyền
Bất tri thủ trợ chế hà niên*

Nghĩa là:

*Ghế Võ mâm Thanh có truyện xưa,
Chẳng hay đũa ấy sắm bao giờ?*

Tuy là thuận miệng đọc ra mà đã ngụ có cái ý hời-hợt lại.

Tính Khải ham đọc sách, lắm, ông thân-phụ thấy thế, bàn đề cho chuyển việc học tập không bắt phải bận đến một việc gì ngoài, lại vì con chiểu-

tiếp những thầy hay bạn tốt, nhân thế sự học của Khải ngày càng tiến tới.

Năm 18 tuổi, Khải đến học ở trường quan Huân Đ. o Yên-mô Ngụ, đến Trĩ, năm 20 tuổi, ra Bắc-thành (Hà-nội) học ở trường tự ông Hương-cống Trần Đ. am-trai (tên là Ph. á, người làng Bình-vọng phủ Thường-ti). Năm 22 tuổi, tại đậu tú-tài khoa Mậu-tý niên hiệu Minh-mệnh thứ 9 (1838). Năm 23 tuổi, vào Thanh-hóa thụ nghiệp ở trường ông Lê Bạch-trai (tên là Du người làng Bất-thượng huyện Hoàng hóa). Năm 25 tuổi, thi đậu cử-nhân khoa tân-mão niên hiệu Minh-mệnh thứ 12 (1841). Năm sau đi thi hội, bị trượt. Nguyễn ông đi thi hội đã được vào đến kỳ thứ tư, văn lý kỳ này đáng được 5 phần, chỉ vì ở phần Kim-văn có câu *nhất nhĩn* và có câu *nội xướng ngoại ứng*, quan trường e ngại, muốn tránh xướng Ph. á-bảng, nhưng quan Trĩ Cống-cử Hà Duy Ph. á nói:

— Văn như thế này làm gì mà chẳng đỗ giáp-khoa, đại xướng Ph. á-bảng sợ hoài phí mất văn-tài đi

Ông liền bị trượt bỏ hẳn.

Năm Minh-mệnh thứ 14 ông phụng phái vào hậu-bổ ở Ngạc-an, thường cùng với các bạn đồng liêu làm thơ làm văn, tiếng tăm càng lừng lẫy, ở tỉnh có việc soạn thuật gì, phần nhiều là do tay ông cả. Ông làm văn thường không cần bút, miệng đọc đề cho người khác viết, người viết có khi không kịp, các quan ở đó đều thần phục, thán-khải. Quan Tổng Đ. o Tạ Quang-Cự, quan Bố-bíaph Nguyễn Kiến-Hung quan Án-sát Trần Ngọc Dao đều mến trọng ông, mời ở ở công-nhà, lại cùng ngồi chung một giường chuyện trò, coi như ngang hàng vậy. Năm thứ 15, sang làm sơ-khảo trường

Nghệ-an, rồi kế quyền nhiếp huyện Thanh-chương. Trong thời kỳ này, ông vẫn rèn luyện văn chương, chờ khoa thi hội. Năm thứ 16, ông đi thi hội lại bị trượt. Khoa này khi ông vào kỳ văn sách, trong đầu đã có câu « Tam kinh, tam vĩ, tứ thủy, lục nghĩa », ông nghĩ câu ấy chỉ phải giải thích qua, không cần đề ý, bèn lo làm đoạn dưới trước. Khi làm xong, viết luôn vào quyển. Đến lúc soát lại, mới biết là bỏ sót câu trên chưa giải thích, bèn phải làm bù rồi viết ở khu nhiều đến hơn trăm chữ. Quan trường thấy không hợp lệ, đánh hỏng. Có người bảo có lẽ vì số của ông không đỡ nghề.

Ở Kinh về Nghệ, ông Khải quyền nhiếp huyện Hưng-nguyên, rồi sang năm sau, Minh-mệnh 17, ông lĩnh chức Tri huyện Quỳnh-lưu. Trong khi trị huyện, có nhiều chính tích hay, được dân mến phục. Năm thứ 18, ở Quý-châu có giặc, triều-dinh sai quan Tham-tán Trương Đăng Quế, quan Tán-lý Doãn Uẩn đem quân đi dẹp, và lấy Đề đốc Nghệ-an Nguyễn Cửu-Dức cùng đi hội剿, lại cho chọn lấy một người văn-tục tài-trí ở trong hạt Nghệ-an đi giúp việc quân, ông Khải bị cử vào chân ấy. Sau khi việc bình, năm thứ 19, được thăng thụ chức Đô-sát-viện Lễ-khoa cấp sự-trung. Chếu mệnh ban xuống, quan Tổng đốc muốn xin lưu ông Khải lại, nhưng quan Bố-chính họ Nguyễn nói:

— Thôi để cho gã tri-huyện cứng cỏi ấy về Kinh cũng phải, ở đây lắm lúc cũng khó chịu với hình nổi hân.

Ông tại chức thường hay dâng sớ nói việc. Bấy giờ vua nghĩ lễ Giao tháng hai thường hay gặp mưa, truyền quan bộ Lễ dời lấy tháng ba sẽ bói lấy kỳ tế. Ông dâng sớ nói lễ Giao xong rồi bách thần mới thụ chức, đó là cái lễ xưa nhất, trước nhất, cử hành về tháng quý-xuân sợ không hợp với lễ ý. Vua không nghe.

Lễ cũ lễ khi vua đi tế Giao, các quan ở viện Đô-sát phải mặc triều phục đi hộ tống đề phòng có hổ báo đến, ông ở trong số ấy mà đi không kịp, đáng phải khiển trách, nhân đến đến tâu rằng: « Trâu không chạy quen ». Vua cười mà miễn lễ cho, và chuẩn cho sau này các quan đi hộ tống được ra chức trước ở dọc đường hay ở chỗ tế lễ đề phòng phải đi theo vất vả.

Năm thứ 20, một khi sắp đến ngày miếu-hủy, vua mệnh giá định đi chơi hồ Tĩnh-tâm Ông dâng sớ nói: « Trong kỳ kiêng-cữ chong sạch mà đi du hành, phòng đối với điều hiều ra sao? ». Vua phê vào sớ hai chữ *trung ái* rồi thưởng cho hai tấm sa nam-hoa.

Một khi vua giận, sai đem gông trói quan Hiệp-biện Nguyễn Trung-Mậu (1). Ông dâng sớ nói: « Trung-Mậu ngộ, đến thượng thư, có tội tướng chỉ nên trlát giáng; gông trói như vậy thì còn sự quan chêm ra sao? Sợ không hợp với cách tôn người ôn mà quý người quý ».

Vua giận và nói: « Vũ phạm Khải muốn bắt ta phải sợ một viên Hiệp biện ư? »

Ông bèn phải phạt.

Tháng 3 năm ấy, phụng phái ra Bắc-kỳ thám-sát. Bấy giờ có viên tri-huyện Kim-dông là Nguyễn Vỹ, có tiếng là viên quan quay quắt, gặp khi dân hại bị tai nạn, mà trong huyện thành vẫn bắt xướng, ông dâng sớ hạch xin cách chức, đại ý nói: « Ngoài thành khóc mà trong thành hát, không có lòng trắc ẩn, không phải là cha mẹ của dân v. v. ». Viên Tri-huyện ấy bèn phải cách. Tỉnh Đông có những kẻ hoạt lại điền - báo, quan lại cũng bị họ kềm chế, ông dò xét được xin bãi truất. Các sự dân hạch cả thấy 30 điều, vua khen là dò được chân thực, được thưởng một cấp và mười lạng bạch kim. Kế đó lại phụng phái ra Nghệ-an tra xét việc kiện, sau một tháng lại về chức cũ.

Ông ở viện Đô-sát ba năm, giữ cái chức trách dân hạch, vì sự cứng thẳng nên kẻ quyền quý đều gồm ghét. Song vua Thánh-tổ thường đề ý mến trọng, gọi là *Ngự xử râu xồm*. Vua Hiến-tổ khi còn ở nơi Tiềm-đề, vẫn nghe tiếng ông mà chưa biết người, một lần đi chơi thuyền gập, ngài thân đến thuyền ông xem mặt cho biết.

* * *

Niên hiệu Thiệu-trị năm đầu, ông 35 tuổi, được thăng lên Hình-bộ Lang trung, biện lý việc bộ. Ông làm việc bộ bình, đề lòng thận trọng, đêm thường

(Xem Híp trang 15)

(1) Người làng cái-xá huyện Đông-thành Nghệ-an.



Số 67

Ung-hoe NGUYỄN-VAN-TÔ

XXXVII. — Sử Tàu chép đời Lý thế nào?

Mục *Dật - sự* này từ trước vẫn tham khảo ở các sách cũ nhỏ của ta và sử ta mà dịch ra hoặc biên chép lại, thỉnh thoảng cũng có trích ở sử Tàu hoặc sách Tàu. Như quyển *Văn-hiến thông-khảo* của Mã Đoan-Lâm, có chép riêng một bài về Giao-chỉ, kể từ đời Hán (206 trước T. C. đến 219 sau T. C.) trở xuống, mà về đạo Đ. N. H., Lê, Lý, có nhiều điều nên thêm vào sử ta. Tôi đã trích một đoạn nói về Lê-Hoàn ở Tri Tân số 165 và 166, nay dịch đoạn nói về đời Lý, để độc-giả so sánh, xem sách Tàu khác với sách ta thế nào?

Mã Đoan-Lâm là người bác học, gặp khi nhà Tống mất đi lần đầu dạy học-trò, xa gần đều tôn làm thầy. Đời Lý bên ta lại ngang với đời Tống bên Tàu, Mã Đoan-Lâm mà chép chuyện đời Lý bên ta, thì cũng như chép chuyện đương-thời, tưởng cũng nên dịch cho đủ. Nhưng trong khi dịch, đoạn nào khác với sử ta, tôi chưa rõ để độc-giả so sánh: duy có giọng bề trên của sử Tàu thì cứ thế nguyên, không phải chửa, tưởng độc-giả cũng dư biết.

Văn-hiến thông khảo (q 330, từ từ 22 b. đến 28 a) chép như sau này:

Năm Canh - tuất (1010) là năm thứ nhất hiệu Thuận-thiên của Lý Thái-tổ bên ta, tức là năm thứ ba hiệu Đại-trung-tường-phủ của Tống Chân - tông bên Tàu. Vua Tàu « phong Lý công - Uẩn (Thái - tổ) làm kiêm-hộ tể phó tiết-độ đô-nộ ngự - sử đại - phu thượng-trục-quốc Giao-chỉ quận-vương, tước phong công - thần hiệu, sau gia phong đồng-binh-chương-sự, khai phủ-nghi đồng tam-ty. Lại phong chức: quan cho những sứ-thần sang cống. Về sau hoặc cách một năm hoặc lên năm đem phương - vật sang cống. Trong hiệu Thiên - hy (1018 1021) tước phong Nam-binh quận-vương, kiêm - hộ há - úy (vệc này sử ta chép vào năm 1016). Khi vua Nhân - Tông (nhà Tống) lên ngôi, Công Uẩn sai sứ sang cống, vua Tàu gia thăng Kiêm hiệu thái-sư.

« Năm thứ sáu hiệu Thiên-thánh (1028) Công - Uẩn mất. Con là Đức - Chính (tức Phá-mã) sai sứ sang cáo tang, vua Tàu xuống chiếu sai sứ sang tế điệu, truy tặng Công-Uẩn làm thị-trung Nam-việt-

vương; cho Đức - Chính tập tước Giao-chỉ quận-vương (sử ta chép vào năm 1029, có lẽ ở bên Tàu đi từ năm 1028 đến năm 1029 mới tới nơi chăng). Đầu hiệu Minh đạo (1032) gia phong đồng-binh-chương-sự. Đầu hiệu Cảnh-hựu (1034), người trong bộ Giao-chỉ là bọn Trần-công-Vĩnh hơn sáu trăm người nô-phụ với nhà Tống:

Đức-Chính đem hơn nghìn quân sang địa giới Tàu để đuổi bắt, Vua Tàu xuống chiếu bắt bọn ấy phải về nước, và khuyên Đức-Cuân chớ nên giết bọn ấy, Đức-Chính sai sứ sang cống, được thăng kiêm-hiệu thái-sư. Năm thứ ba hiệu Cảnh-hựu (1036) những mau-kị ở Giáp-động, châu Lạng châu Môn, châu Tô-mộ, châu Quảng nguyên, đông Đại-phát, huyện Đơn-ha và châu Từ-lãng, châu Tây-bình, châu Thạch-tây cũng các động thuộc về châu Ung, đến nộp trâu ngựa, đổi nhà cửa của nhân-dân Tàu rồi đi: Vua Tàu xuống chiếu trách hỏi vua ta, và sai bắt bọn tù-thủ để trị tội, xong rồi trả lời cho vua Tàu biết (việc này sử ta không chép đến). Năm thứ nhất hiệu Bảo-nguyên, tước phong Nam-binh-vương. Năm đầu hiệu Khang-dinh (1040), năm thứ ba hiệu Khánh-lịch (1043) và thán, bảy năm thứ sáu hiệu Khánh-lịch (1048) Đức-Chính đem sai sứ sang cống vua Tàu xuống chiếu cho cống-sứ được quan chức.

« Trước kia Đức-Chính đem quân lấy Chiêm-thành, Triều-dinh nghĩ rằng có ý ngầm làm mưu

gian, bên cho đồ hỏi những đường xá thông nhau của hai nước, từ đời Đường trở lại, phàm mười sáu chỗ, sai chuyên-vận-sứ là Đỗ Kỳ tính chỗ hiểm yếu đem quân tới canh giữ. Nhưng về sau không xảy việc gì ngoài biên, vẫn thường cống thuân-tượng (voi lành có thể cưỡi được). Năm thứ hai hiệu Hoảng-hựu (1050), châu Ung dụ bọn Vi thiện-Tự và Thiệu-Khâm ở châu Tô - mậu hơn ba nghìn người vào ở tỉnh thành châu Ung. Đức-Chính dâng biểu xin bỏ việc dụ dân, vua Tàu ban chiếu xuống trả về hết, và bảo Đức-Chính phải đốc thúc những dân ngoại biên chớ được xâm phạm. Về sau Nùng-trí-Cao làm phản, Đức-Chính đem hai vạn quân từ đường thủy, muốn vào góp quân nhà vua, Triều-dinh hậu đãi, nhưng không chịu nhận quân ấy. Đến năm thứ hai hiệu Chi-hòa (1055) Đức-Chính mất (Chinh ra thì Đức-Chính tức Lý Thái - tông mất từ năm 1054, năm 1055 là năm sứ Tàu sang tế diếu và sách phong Lý Thái-lông). Con là Nhật - Tôn sai người sang cáo tang, vua Tàu xuống chiếu sai sứ sang tế diếu và truy tặng quan chức. Lại cho Nhật-Tôn p tước như cũ. Năm thứ ba hiệu a-lưu (1058) Nhật - Tôn sai sứ g xuống tước lại (dị thứ).

Năm thứ tư hiệu Gia - hựu, Giao-chỉ vào cướp ở quân thuộc châu - Khâm, năm năm (1060) Giao-chỉ cùng với tập động vào cướp châu. Vua Tống xuống chiếu cho tri châu Quế là Tào-cổ, chuyên sứ là Tống-Hàm, đề - hình là Trương cùng hội nghị đến

đánh. Lại xuống chiếu cho An-phủ-sứ là Dư-Tĩnh đem quân sang bắt, Dư-Tĩnh sai người đệp - dụ (dỗ ngọt cách gián-tiếp mà khéo-léo). Chiêm-thành và nai lộ Quảng-nam đem binh sĩ đánh Giao-chỉ, Nhật-Tôn sợ hãi, dâng biểu thú tội, Vua Tống ban chiếu: « Giao - chỉ chưa cử binh, bằng lòng cho lại sang cống hiến ». Năm thứ tám (1063) Nhật-tôn sứ sang cống, Tháng tư năm ấy, lấy những phẩm vật của Tống Nhân - tông để lại, đem tặng Nhật-Tôn và thăng đồng bình chương sự. (Đoạn này so với sử ta hơi khác, *Khâm định Việt sử* q 3, tờ 24 b, và *Đại Việt sử ký toàn thư*, q. 3, tờ 2 b, chép: Mùa xuân năm canh - tý (1060) Chức Mục ở Lạng-châu là Thân - thiệu-Trai cho đi bắt những quân lính trốn tránh vào địa-giới nhà Tống, bắt được chỉ-huy-sứ nhà Tống và sĩ tốt, trâu, ngựa, đem về. Đến tháng bảy nhà Tống đem quân sang xâm lấn không được, bên sai Lai-bộ thị - lang là Dư - Tĩnh đến châu Ung đề hội nghị, Vua Lý sai Phỉ g a-Hựu tới dự, Dư - Tĩnh đưa tặng G a-Hựu rất nhiều phẩm vật và đưa thơ xin trả lại Dương Bảo Tài: vua Lý không nghe).

« Khi Tống Thần tông (1058-1085) lên ngôi, tể tướng Lý Nhật-tôn tức Nam-bình-vương, g a khai phủ nghị đồng tam ty (việc này sử ta chép vào năm 1067, tức về đời Tống Anh-tông, chứ không phải Thần-tông). Năm thứ hai hiệu Hy-ninh (1069) Lý Nhật-tôn dâng biểu nói rằng: « Chiêm-thành lâu nay bỏ triều lễ cống, tội đã thân đem quân đi đánh bắt, được vua

Chiêm ». vua Tàu xuống chiếu: phong cho sứ-giả được quan tước. Từ bấy giờ Nhật-Tôn-tự xưng đế trong nước, tiến xưng là Pháp-thiên ứng-vận sung-nhân chỉ-đạo khánh-thành long - tướng anh - vũ duệ-văn tôn-đức thánh thần hoàng-đế. Tôn công - Uân làm Thái - tử thần-vũ hoàng - tử, đặt tên nước là Đại - Việt, nguy (?) cải nguyên là Bảo lượng, (năm 1068), lại đổi niên-hiệu là Thần-vũ (năm 1069).

« Đến năm thứ năm hiệu Hy-ninh (1072), Nhật - Tôn mất con là Kiên-đức nối ngôi, sai sứ sang cáo ai, vua Tống xuống chiếu sai sứ sang diếu và truy tặng quan chức. Lại cho Kiên-đức tập tước như cũ. Kiên-đức còn nhỏ, mẹ là họ Lê gọi là thái-phi, cùng với hoạn nhân là Lý-thượng-Cát (sử ta chép là Lý Đạo-Thành) cùng coi việc nước. Bấy giờ tri - châu châu Quế là Thẩm Khởi biên những dân ở khe động làm dân nhà vua, (Tàu) và thiện-tiện cho tri-châu Án-thuyền là Nùng Thiệu-Mỹ chốn ở nội-địa (đất Tàu). Vua Tống sợ làm càn sinh ra man-họa, liền bãi chức Thẩm - Khởi, cho Lưu-Di ra thay. Kiên-đức xin trả lại Thiệu-Mỹ và thuộc dân bảy trăm người: Vua Tống không cho. Lại nói Lưu-Kỳ ở châu Quảng-nguyên đem binh cướp châu Quy-hóa thuộc quân Ung-Nùng-Tri-Hội đem con là Tồn-An đón đánh có công: Vua Tống xuống chiếu phong cho Tồn-An chức cung-phụng. Nguyên xưa ở Quảng-tây đóng đồn ở phía bắc đến hai mươi chỉ-huy, người Giao-chỉ sợ Lưu-Di lâu xin bãi binh mà xin dùng những quân cầm súng-tay và gây chia nhau ra

đóng đồn đề canh giữ. Lại nghe lời tên quân thiên-hiệu cho rằng An-Nam có thể lấy được, rồi sửa những thuyền chứa binh-khí. Người Giao-chỉ đến chợ buôn bán đều bị ngăn cấm, có dâng biểu lên với vua Tống, nhưng bêu ấy không đến nơi. Đến mùa đông năm thứ tám hiệu Hy-ninh (1075), Giao-chỉ chia ba đường vào cướp: một đường từ châu Khâm, một đường từ phủ Quảng, một đường từ cửa ải Côn-lân, hăm lăm được hai châu Khâm và Liêm. Thề-dinh châu Liêm có tám mươi thủ-thành đều bắt mang đội những quân lương binh-khí lên thuyền, rồi giết hết. Lại hăm châu Ung, giết thủ-tướng là Tô-Đam và giết dân đến hơn năm vạn. Vua Tống xuống chiếu cho Triệu-Tiết làm An-Nam-đạo hành-deanh đô-tổng-quản kinh-lược chiêu-thảo-sứ, Lý-Hiến làm phó-sứ, đem đại-quân sang đánh An-nam, liền bãi Lý-Hiến mà cho chức tuyên-huy Nam-viện-sứ là Quách-Qùy làm chiêu-thảo-sứ, dời Triệu-Tiết làm phó sứ.

« Năm thứ chín (1076) tháng mười hai, phá được ải Quyết-lý của quân Mân (1) đến đóng ở bờ sông Phú-lương. Người Mân đem tinh-binh bơi thuyền đón đánh, Quách-Qùy đánh phá được, giết được Vương-tử là Hồng-chân. Kiên-đức sợ, sai sứ đem biểu đến cửa quan xin hàng. Sông Phú-lương cách Kinh-đô không xa, Quách-Qùy không dám sang qua đó. Quan quân tám vạn, mười phần chết hết sáu phần, lấy được châu Quảng-nguyên, châu Môn, châu Tư-lang, châu Tô-Mậu và huyện Quang-lang, rồi về: bọn Quách-Qùy và Triệu-Tiết đều bị tội. Vua Tống xuống chiếu dời châu Quảng-nguyên làm châu Thuận,

cho chức tây-thượng cấp-môn-sứ là Đào-Bật làm tri châu, còn lại đều dùng từ-trưởng. Kiên-đức xin lại sửa chức cống, đề đổi lại những châu huyện bị Tống cướp (sở đoạt). Vua Tống xuống chiếu rằng: « Nhà ngươi cai trị Nam-giao, đời đời tập phong vương-tước, mà lại bội đức trái mệnh, gây vạ chốn biên thùy, bỏ cái lòng trung thuận của hiền nhân, đề phiên đến Triều-dinh phải đem quân sang đánh. Quân vào sâu đến nội-địa, thế nguy cấp mới đầu hàng, xét đến tội trạng, thật là traất bỏ chức tước, nhưng nay đã sai sứ sang công, dâng biểu rất thành kính, xét kỹ lời lẽ, biết là nhà ngươi đã hối lỗi. Trẫm vốn yên muốn nước không kẻ gì xa gần, nhưng dân châu Ung, Khâm, Liêm, đã bị thiên bị cướp về xứ nóng, mất cả làng mạc xóm dề, đợi giả hết về đến địa giới thì mới giả ngay châu Quảng-nguyên cho Giao-chỉ. » Kiên-đức lúc đầu hẹn giả nhượng quan-lại nhân dân ở ba châu đen ngòm người, lâu rồi chỉ đưa giả có hai trăm hai mươi một người dân. Con trai từ 15 tuổi trở lên đều thích ba chữ « thên-tử-binh » ở chân, từ 20 tuổi trở lên thích chữ « đầu nam triều », đàn bà thì thích ở tay trái hai chữ « quan khách ». Cho cả vào thuyền đề chở, bị cửa sề lại, ở giữa thấp đèo, mỗi ngày chỉ đi vài mươi dặm, lại giả cách đánh trống canh đề báo: đi như thế vài tháng mới tới nơi, nói dối là đường bề xa xôi!

« Châu Thuận ở sâu về phía nam, quan quân ở thú, phần nhiều bị khí lam chướng, Đào-Bật cũng chết ở chỗ làm quan. Triều-dinh biết là chỗ vô dụng, bèn trả lại

cả bốn châu một huyện cho Giao-chỉ. Nhưng mà châu Quảng-nguyên trước là cơ-mi của quân Ung, không phải là đất Giao-chỉ.

« Năm thứ năm hiệu nguyên-phong (1082) Giao-chỉ dâng hai con thuần tượng, và một trăm vừn tê-giê và ngựa voi. Năm thứ sáu (1083) lại có đười theo bắt Nùng-tri Hộ phạm vào châu Quy-bóa. Lại sai bô tôi là Lê-văn-Thịnh, sang Quảng-tây đề biện lý về bờ cõi ở châu Thuận và châu Quy-bóa. Kinh-lược là Hùng-Bân sai Tả-giang-la-văn-khêm-Thành-Trác đến hội-ngiã Lê-văn-Thịnh nói rằng: « Bô-thần không dám trau trấu ». Vua Tống xuống chiếu cho Lê-văn-Thịnh là người biết luân theo cái ý cung-thận của Kiên-đức ban cho áo hào và đai, cùng năm trăm tấm lụa. Rồi lấy chỗ đất ngoài cõi là sáu huyện ở Bảo-lạc và hai động ở Túc-lang cho Kiên-đức. Khi Triết-tổng làm ngời (1084) ga phong đồng trung-tư môn hạ-binh-cương-sứ. Trùng-dư Nguyên-bửu (1086-1092), thường dâng biểu đòi xin đất động Vật-ác và Vậ-dương, vua Tống không cho. Năm thứ hai hiệu Nguyên-hựu (1087) sai sứ vào cống, tiến phong Nam-bình-vương. Trong đời Huy-tông (1101-1125) dần dần phong đến kh phủ nghị đồng tam-ty, kiể hiệu tể-sư.

« Năm đầu hiệu Đại-s (1107) cống sứ đến kinh mua cá, thứ thư-tịch, các nói: « Theo phép không, nhưng vua Tàu xuống khen là biể mộ đạo thánh hiền; trừ những cá sách bói, âm dương, lịch thuật số, binh thư, sách thời vụ, biể cơ, địa lý,

(Xem tiếp trang

Từ khi nước ta bước lên con đường độc-lập, việc cải-tạo quốc-gia đã được mang ra bàn về mọi phương-diện.

Có lẽ vì không cần-thiết cho tâm, phương-diện mỹ-thuật hầu như chưa được ai nói tới. Nhưng, trong công-cuộc kiến-thiết, mọi việc phải đều hướng-đang ào nhập với nhau đề cho có sự cân-đối điều-hòa trong toàn-thể, thì mỹ-thuật, — một nhánh của văn-hóa, có phần quan-hệ đến nhiều điều cải-cách, — tất cũng cần phải được bàn đến triệt để.

Muốn biết việc mới phải làm, nên ôn qua chuyện cũ: cái tình hình Mỹ-thuật của nước nhà từ trước đến nay.

Tình hình Mỹ-thuật

Xưa kia, nước ta không có một nền giáo-dục rõ rệt, hẳn hoi, về Mỹ-thuật. Mãi đến năm 1925, nhà họa-sĩ Tardieu sáng lập ra trường Cao-dẳng Mỹ-thuật Đông-dương ở Hà-nội, thì Mỹ-thuật mới gọi là có tên và được một nhóm người săn sóc.

Trong 20 năm hoạt-dộng, việc giáo-hóa mỹ-thuật của trường Cao-dẳng ra làm sao, cái kết quả mỹ-thuật trong các phòng triển-lãm những gì, cái ảnh-hưởng Mỹ-thuật trong dân-gian như thế nào, là ba điều tiên chốt mấu chốt cho ta thấy cái tình hình mỹ-thuật của nước nhà ngày nay.

— Trường Mỹ-thuật

— *Việc đào-luyện.* — Biết là Việt-nam sẵn có thiên-tư nghệ-thuật, có thể xây-dựng một Mỹ-thuật huy-hoàng chẳng

kém gì các dân-tộc văn-minh trên thế-giới, nhà sáng-lập ra trường Cao-dẳng Mỹ-thuật, đã định tâm đào-tạo cho ta những nhà nghệ-sĩ cao, đẳng, xứng đáng với tài năng sẵn có. Trong lúc khởi đầu, cái ý đẹp ấy đã gặp nhiều sự cản trở khó khăn gây ra bởi một bọn thực-dân Pháp ích-kỷ và cố-quyền...

Họa sĩ Tardieu đã gây cho ta cái phong-trào Mỹ-thuật, sau khi đã vất vả lập lên trường với hai ban thiết-yếu: hội-họa và kiến-trúc.

Công-việc mới tạm gọi là thành, nhà sáng lập qua đời, nhà điều-khắc Jouchère ở Pháp sang thay quyền quản-đốc.

Chân ướt chân ráo mới bước tới Saigon, viên giám-đốc mới đã lên giọng « khai hóa ngu-dân » mà tuyên bố rằng người « bản xứ » chỉ có thể trở nên người thợ khéo tay, luyện cho họ thành nhà Mỹ-thuật thực là mơ-hồ, thất sách...

Thế rồi, cớ đã đến tay, nhà điều-khắc điều-toa cùng với một giáo-sư giáo-giữ đã tự tiện đem việc đào-luyện trong ban hội-họa từ bọc « nghệ-sĩ cao-dẳng » xuống bọc « người thợ khéo tay ».

Ban hội-họa. — Các môn cao siêng trong ban này, như vẽ lụa, vẽ sơn, khắc gỗ, chế kiểu trang-trí..., thì họ không cần dạy mấy. Họ chỉ chuyên chú đến nghề làm bình phong và khay, hộp bằng sơn ta, cái nghề mà họ không biết một tí gì dễ dãi, nếu không kể họ dạy chế kiểu. Nói cho đúng ra, chế kiểu họ cũng không cần dạy, vì họ tự bố trí lấy liền rồi để cho học-trò thực hành và phải tự tìm ra phương pháp chuyên môn mà làm nên tác phẩm.

MỸ - THUẬT VỚI VIỆC KIÊN - THIẾT QUỐC - GIA

AN SƠN họa-sinh

Những tác-phẩm vàng son ấy nguyên là những thứ vẫn làm đẹp con mắt xanh của bọn thực-dân phú-quý, nhất là của các ông « to đầu » trong chính-phủ Đông-dương.

Họ đã bắt đầu thi-hành như thế cái chủ-định « luyện thợ khéo tay » để thực-hiện cái chủ nghĩa « nghệ-thuật vị nhân-sinh » theo như ý họ hiểu.

Sự biến-cải trong ban hội-họa đã làm thốt ra một câu chua cay mà không quá đáng: « Trường Cao-dẳng Mỹ-thuật là trường nghệ-sĩ thợ sơn ».

Ban Mỹ-nghệ thực-hành. — Vì chủ tâm luyện thợ khéo tay, khéo tay dễ hầu hạ, nên họ lập thêm ban mỹ-nghệ thực-hành ven với bốn nghề họ thích: 1) Đồ sơn, chuyên làm bình phong và khay, hộp, — 2) Đồ gỗ, tập đóng đồ trần thiết kế mới, — 3) Đồ gốm, học chế các đồ men sành và sứ, — 4) Đồ bạc, tập trạm các đồ bằng bạc và bản-đẽ, lá-đáp bằng đồ gỗ.

Thầy dạy các nghề ấy là người Pháp. Mang tiếng là luyện thợ khéo tay, chính các ông thầy nghề không có cái tay khéo, nghĩa là các ông phải dạy thực hành đấy, mà các ông không thực hành nổi.

Thầy đã không phải là tay chuyên-môn thực-hành chính-biệt, thì học trò không được trực-tiếp truyền-thụ những phương pháp nhà nghề, phải tự tìm tòi lấy, kinh-nghiệm lấy trong công việc học mò làm thử ở nhà trường hay ở các xưởng tư.

Sự học tập trong ban này vì thế mà không có gì gọi là kết quả mỹ-mãn: chế kiểu không sành, thực-hành không thạo.

Ban kiến-trúc. — Việc thay cũ đổi mới ở trường Mỹ-thuật không có ảnh hưởng gì mấy đến ban này. Chỉ duy có một điều đáng kể là, ở ban này cũng như ở các ban khác, thiếu giáo-sư lành nghề và thừa giáo-sư thiên học, không có một chút quan-niệm nào về tính-cách nền kiến-trúc cổ Việt-nam, có thể hướng dẫn học-trò vào những bước sai lầm đáng tiếc.

Việc học của ban này đã đem ứng dụng những điều tiện lợi tối tăm vào các việc xây dựng mới mẻ ở nước nhà. Song cái tình thần, cái cốt cách riêng biệt của một nền kiến-trúc khá dĩ gọi là kiến-trúc Việt-nam, thì hình như vẫn còn ở trong thời kỳ cấu tạo, chưa thấy phát lộ ra ngoài một cách rõ ràng.

2. — *Cách đối đãi.* — Việc đào thành đã sai lạc, cách đối đãi lại đơn bạc đủ đường, với sinh viên còn đang học, cũng như với nghệ-sĩ đã tốt nghiệp rồi.

Sự áp chế. — Bất cứ một phòng triển lãm nào, một hội Mỹ-thuật nào, viên giám-đốc và ủy-giáo sư cũng muốn đề đầu cuối cở.

Họa-sĩ nào họ ưa, thì họ cho bày nhiều tác phẩm và bày vào chỗ tốt, giới thiệu với người giàu sang, tung bốc lên đề cho nổi tiếng và bán được nhiều tranh. Người nào họ ghét, thì tác phẩm dù có đẹp cũng bị loại ra, nếu không thì bị bày vào một số, và lại còn bị dèm-pha trước mặt người xem là đáng khác nữa.

Sự chia rẽ. — Trước sự áp chế cả về tinh-thần lẫn về vật-chất, nhiều nghệ-sĩ cứng cỏi đã ngoảnh đi. Đồng thời, cũng lắm kẻ, muốn được ưu-dãi hơn người, đã dùng mánh khéo nuông-nur để ngấm ngấm sự phụ.

3. — *Việc sản-xuất.* — Cùng trong cái không khí nặng nề ấy, trường Mỹ-thuật vẫn hoạt động như thường, hoạt động để đem hàng năm bày tám mươi vạn đồng cung-dương, bọn giáo-sư đặc-dụng, và đề sản-xuất thêm lớp cháu-tài không đặc-dụng.

Mỗi năm số họa-sĩ tăng lên, số tác-phẩm cũng tăng gấp. Trong khi ấy, cái óc Mỹ-thuật của quần-chúng chưa được tập-rèn, người giàu sang thích đẹp và có tiền mua chỉ là số ít, cho nên việc tiêu-thụ họa-phẩm chỉ là việc họa-hoàn, và việc mưu-sinh bằng nghề hội-họa chỉ là mưu điều hú-họa.

Nhiều họa-sĩ vẫn yêu nghề mà phải gác bút vẽ để kiếm ăn bằng nghề nghiệp khác! Người nào còn cố đeo đẳng, dùng ngón vẽ vật sinh-nhai, thì sống một cách vất vả vất vưởng, khó có dịp làm nên công-trình giá-trị để nêu danh. Duy có một vài người được cái đặc-ân bổng-dụng, và một vài người gia-tư sẵn có, là còn sản-xuất được nhiều tranh với cái hi-vọng mua danh hơn là kiếm lợi.

Không có cái kiêu đề phù-tả cho cái tài, thì danh lợi đương hồng, và trước sau có ngày giải-nghệ.

II. Mỹ-thuật trong phòng triển-lãm.

Hoàn cảnh đã bất lợi cho nghề, nghề không nuôi được cỗi người, nghề phải chết. Tay nhiên, nghệ Mỹ-thuật, dù không có miếng mà có tiếng, vẫn sống vẫn tồn, sống còn bằng hi-vọng và hi-sinh của phần nhiều nghệ-sĩ. Tấm lòng đẹp-đẽ ấy đã tỏ rõ ra trong các phòng triển-lãm đầy tác-phẩm công phu, quý-giá, đắt tiền.

1. — *Mỹ-thuật thiên-vị.* — Luôn tranh lựa mào mào, tranh sơn sáng sủa, tả mỹ-nhân hay phong-cảnh với hình sắc-đề hòa, những tượng đắp đầy ki-cốt thán-nhiên, những bình-phong toàn vàng son lộng lẫy..., những tá p h a đó, từ trước đến nay là thường thấy trưng bày, đã bày-lộ ra cái tình-cách chung của nền Mỹ-thuật đương thời.

Nền mỹ-thuật ngày nay quả là thanh tao cao quý, sắc-lạ huy-hoàng; quả là nền mỹ-thuật « trường-giá ».

(Xem tiếp trang 14)



TÀI LIỆU

ĐỂ ĐỊNH CHÍNH NHỮNG BÀI VĂN CỔ

Số 85

Ung hời NGUYEN-VAN-TU

Quyển Kiều quốc-ngữ của ông Vĩnh in năm 1942 (tr. 44) và quyển *Kim Vân Kiều truyện chữ* (bản sau chữ nôm của Trương Bá-cổ, số A B 233 tờ 21a) có là « Chênh chênh bóng nguyệt sẽ mảnh. Tựa ngời bên triện một mảnh thụ thiu ». Phương-bản của Quan-vân-đường (tờ 6 b) chép là « bên lý » đọc là « ghế » cũng được. Quyển *Hoan-trường tân thanh* của cụ *Kiều-cánh-Môn* (tr. kinh bản (tờ 5 b) chép là « bên trện » và chưa bốn chữ « triện: triện kỷ già », triện là ghế chạm triện. Cứ như thế thì triện với lý (ghế) là một, chứ không có triện là bao-lan như quyển Kiều đã đi ra chữ tây.

Quyển Kiều của ông Vĩnh (tr. 44) chép là « Thoát » đầu thấy một tiểu kiều, Có chiều phong-vân, có chiều thanh-tân ». Kinh-bản chép là « Thoát », nhưng chữ nôm phải đọc là « Thoát » mới đúng nghĩa. *Kim Vân Kiều* chú chép là « Bổng đầu » phương-bản chép là « Thốt » đầu », xem ra không đúng chữ Thốt ».

— Các bản nôm đều viết « Sương in mặt, tuyết pha thân, Sen vàng lững-lững như mây như sa ». Bản quốc-ngữ (tr. 45) chép là « Hồng in mặt », và chữ « lững-

thững » viết là « lăng-dăng ». Tuy mặt chữ là « lăng - dăng » nhưng đọc ra nôm tôi phải đọc là « lững thững », nghĩa là đi bước một; câu ấy do điền: Đồng hôn hầu nước Tề lấy vàng đá xuống đất, cho Phan-phỉ đi lên trên, rồi nói rằng: Bộ bộ sinh lôn-hoa » nghĩa là từng bước sinh hoa sen, vì chân đi lên trên vàng, thì có vết hình hoa sen.

— Câu « Vàng trịnh hội chủ xem lường, Mạ xem trong sỏ đoạn-trường có tên », kinh-bản chép là « Mạ sao trong sỏ đoạn-trường có tên ? »

— Các bản nôm đều viết « Kiều vàng lĩnh ý dễ bài, Tay tiên một vẽ đủ mười khúc ngâm »; duy kinh bản chép là « Tay tiên một vẩy » và chưa rằng: « Nhất huy nhĩ tự tốc » nghĩa là một vẩy, tức là làm nhanh.

— Phương-bản và chú-thích chép: « Gió đầu tranh bức mảnh mảnh, Tỉnh ra mới biết rằng mình chiêm bao ». Kinh bản chép là « Gó đầu khua bức mảnh mảnh ». Quốc ngữ (tr. 49) chép là « sịch bức mảnh mảnh ». Các bản nôm viết chữ « trịnh » thì đọc là « tranh » hoặc « sịch » cũng được. Nhưng nghe chữ « khua » có lẽ phải hơn.

— Bản Quốc-ngữ (tr. 52, phương bản và chú-thích) chép: « Có sao

trần-trọc canh khuya, Mưa hoa là hây dă n dề giọt mưa ». Kinh bản và quốc-ngữ cũ (tr. 23) chép là « đăm dĩa ».

— Hai bản nôm và quốc-ngữ mới (tr. 54) chép « Day rằng: Mộng triệu cử đầu ». Kinh-bản chép là « Mộng ảo chắc đầu ». Đến câu dưới kinh-bản và chú-thích chép « Bổng không mua nảo chắc sâu nghĩ sao ! » Phương-bản chép « Bổng không mua nảo chứ sâu nghĩ sao ? » Quốc-ngữ mới (tr. 54) viết là « chắc sâu nghĩ sao ! »

Các bản đều viết: « Ngoài song thỏ-thể oanh vàng, Nách tường bông liễu hay ngang trước mảnh ». Kinh bản và quốc-ngữ cũ (tr. 23) chép là « hay sang lảng giềng ».

— Đến câu « Hiên tà gác bóng chênh-chênh », kinh-bản và quốc-ngữ (tr. 55) viết là « nghiêng-nghiêng ».

— Quốc-ngữ cũ (tr. 24), phương bản và chú-thích chép « Cho hay là thói hữu tình, Đố ai gỡ mối tơ mảnh cho xong », kinh-bản và quốc-ngữ mới (tr. 68) chép « là giống hữu tình ».

Phương-bản và chú-thích chép « Sầu dòng càng khắc càng đầy »: chữ nôm phải đọc là « lặc ». Kinh bản chép là « càng gặt càng đầy ».

— Các bản đều viết « Mây Tầm khóa kín song thơ, Bụi hồng lờ-

đeo đi về chiêm bao », Kinh-bản chép là « Bồng hồng ».

Quốc-ngữ (tr. 70) viết « Buồng (phòng) vẫn hơi lạnh (rá) như đông, Trúc se ngọn cỏ, tơ tròng phím loan ». Kinh-bản chép là « ngòi cỏ », phương-bản chép là « ngón cỏ ».

— Hai bản nôm và bản quốc-ngữ chép là « Vì chàng duyên nợ ba sinh, Lâm chi đem thối khuynh thành trên người ». Quốc-ngữ mới (tr. 71) chép là « nững thối ». Kinh-bản chép là « Có chi đem giống khuynh thành trên người? ».

— Quốc-ngữ viết là « Một vùng cỏ mọc xanh rì, Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu ». Các bản nôm đều viết « Một làn ».

— Hai bản nôm và quốc-ngữ mới (tr. 72) viết là « Ngõ riêng nhớ ít tưởng nhiều, Xăm-xăm đỏ nẻo Lam-kiều lần sang ». Quốc-ngữ cũ (tr. 25) viết là « Thanh riêng ». Kinh-bản viết là « Thanh riêng tưởng ít tình nhiều ».

— Phương-bản, chủ-thích và quốc-ngữ mới (tr. 76) chép là « Nhận từ quán khách lân-la, Tuần giăng thắm-thoát, nay đã thêm hai ». Kinh-bản chép là « Nhận từ quán khách lân-la, Tuần giăng dểm dốt, nay đã thêm hai » và chú rằng : « Chữ nhận có bản viết là chữ nhận thì không phải : nhận là tiếng cổ-ngữ ở truyện Hoa-tiến thường dùng ».

— Các bản nôm đều viết : « Chiếc thoa nào của mấy mươi nhà lòng trọng nghĩa khinh tài xết bao ! » Bản quốc-ngữ (tr. 81) viết « là của mấy mươi ».

— Quốc-ngữ cũ (tr. 29) và mấy bản nôm đều viết « Suồng sùng giờ ý rụt rờ ». Chữ « giờ » viết nôm « thủ » bằng chữ « dữ », thường đọc là « gờ » ; nhưng chỗ này đọc

là « gữ » như bản quốc-ngữ mới (tr. 83) thì mới xuôi nghĩa.

— Đến về dưới : « Kể nhin rõ mặt, người e cúi đầu », kinh-bản chép là « lặn mặt ».

— Các bản nôm đều viết : « Xương mai tỉnh dã-thân môn, Lăn-lăn ai biết lấy ôn hôm nay ». Chữ thâu ấy nghĩa là lâu, cũng như chữ thâu canh, thâu đêm. Quốc-ngữ mới (tr. 84) viết là « rủ môn » thì không có nghĩa. Quốc-ngữ cũ (tr. 29) chữ là « gầy môn » thì không hay, vì câu ấy có chữ inh ở trên, chữ lăn-lăn ở dưới, thì chữ thâu ở đây mới phải.

— Câu « Tháng tròn như gửi cung mây, Trần trăn một phần ấp cây đã liễu », kinh-bản chưa rằng : « Tháng tròn là vừa một tháng. Nói trong một tháng gửi lòng ở trên cung trăng, cũng như người giữ gốc cây. Chữ tháng có bản viết là chữ tử, chữ gửi có bản viết là chữ tử thì tối nghĩa, không giải nổi ». Cứ như thế thì câu « Năm tròn như cuội cung mây » của quốc-ngữ cũ (tr. 29) không đúng.

— Phương-bản và Kim-Vân-Kiều chú chép là « Sẵn tay bỏ quạt hoa qui, Với cảnh thoa ý tức thì đổi trao ». Kinh-bản và quốc-ngữ mới (tr. 90) chép là « Sẵn tay khăn gấm quạt qui ». Quốc-ngữ cũ (tr. 32) chép là « Khăn-tay gấm, quạt hoa-qui ». Kinh-bản chưa rằng : « Bản chữ có câu : Kiều dĩ cầm-thuế kim-phấn hoán chi, nghĩa là T-uy-Kiều lấy khăn gấm, quạt trao, đổi rồi. Nên chữ là khăn gấm quạt qui mới đúng. Nguyên-bản chép là bỏ quạt hoa qui, tại vô vị. Chữ nho là kim-phấn, mà lại chữ quạt qui, là vì vần ép, đổi cũng khó ».

(còn nữa)

Ứng-học NGUYỄN VĂN-TỐ

ĐẠI NAM DẬT SỰ

(Tiếp theo trang 9)

thì cho mua cả. Cuối đời Chính-hòa (1117) lại xuống chiếu rằng : Người gao-chỉ từ đời Hy-ninh trở lại, hết thầy không sinh sự thối không cấm chạp nữa.

« Năm đầu hiệu Tuyên-hòa (1119) thăng Kiền dực chức tư-không. Năm đầu hiệu Kiến-viem (1127) Kiền dực dâng biểu xin cấm những bên-binh bán-đạo (nỗ) vào trong cõi, Vua Tống xuống chiếu cho ty Kinh-lược Quảng tây phải ước thúc. Năm thứ tư hiệu Kiến-viem (1130) Gao chỉ sang cống, nhưng bấy giờ biên thùy chưa yên, không phải sai người tới kinh. Phạm tiến cống phương vật gì, trừ vật hoa-mỹ xa xỉ thì không nhận, còn phương-vật khác thì cứ đem đến cõi gao cho ty Đề-hình ở lộ ấy y theo lệ kê giá trả về, còn biểu-văn thì đệ về kinh, sai viện Học-sĩ phụng sắc viết thư đáp lại : từ bấy giờ trở về sau hồ gập kỳ vào cống thì cứ theo lệ ấy thì lành ».

« Năm thứ hai hiệu Thiệu-hưng (1131), Kiền dực mất, (cổ này sách Tà-ntâm. Lý Nhân-tông tức Kiến-dực mất năm thứ hai hiệu Kiến-viem (1127) của Tàu, chứ không phải năm thứ hai hiệu Thiệu-hưng) Còn là Dương-Hoán nối ngôi (chính là con ruột). Năm thứ tám hiệu Thiệu-hưng (1138) Dương-Hoán mất, con là Thiên-Tộ nối ngôi, bên Tàu đều sai sứ sang lễ diếu và truy-lộng quan tước, lại cho tự quân tập phong như trước ».

(Còn nữa)

Ứng-học NGUYỄN VĂN-TỐ

Mỹ thuật với việc...

(Tiếp theo trang 11)

Nhưng, với cái vẻ dài-các kiêu-kỳ, nó không khỏi có tính cách bợ đỡ, vì hình như nó có ý chỉ chiều chuộng riêng một phái, phái quyền sang giàu lớn.

Hẹp-hòi và úy-mị-như thế, nền mỹ-thuật ngày nay đã có một cái su-hướng chẳng ngay-lành, và không xứng-dáng gọi là nền quốc-gia Mỹ-thuật. Đó chỉ là một lối Mỹ-thuật «phụng-thờ» trong thời nô-lệ của một phe «hợp thời».

2 — *Mỹ-thuật trung-chính.* — Nền Mỹ-thuật chân chính của một quốc gia phải có cái tinh-thần cao thượng với cả thái độ «nghệ-thuật vị nhân sinh».

Chẳng những nó chỉ phổ-diễn cái đẹp trong bức tranh Mỹ nhân, mơ mộng tóc sỏa vai trần, hay cái đẹp của pho tượng thiếu-nữ khỏa thân, đủ vẻ thiên nhiên để kêu gọi cái nguồn tình-cảm, chẳng những nó chỉ phổ-diễn cái đẹp tuấn tú ấy mà thôi, nó còn phải trưng bày cái đẹp thiết-hực. Nó bổ ích cho quốc kế dân sinh, tức là cái đẹp thông-thường làm tăng giá trị của mọi vật cần dùng cho đời quần chúng.

Chẳng những nó chỉ quan tâm ở chốn thị thành để trang hoàng lâu đài cho nhà phú quý, mà còn phải tràn lan về nơi thôn dã để tô-diêm nhà cửa cho kẻ bình-dân.

Bất cứ ở nơi chốn nào, ở hình sắc nào, nó cũng tỏ rõ cái tinh thần đẹp đẽ riêng biệt của một dân tộc có hồn.

III Mỹ-thuật trong dân-gian

Nền Mỹ-thuật chân-chính của một quốc-gia, như trên đã nói, chẳng những chỉ phát hiện ở bức tranh hay pho tượng, mà còn phải được phổ-trương ở những thứ thiết dụng cho đời, như phở-xá nhà cửa, đồ đạc, áo xiêm,....

Cái phần Mỹ-thuật thiết-thực này, hầu như đã bị bỏ quên, không được chịu ảnh hưởng tài năng của các nhà nghệ-sĩ Việt-nam là mấy.

1. — *Thành phố.* — Các thành-phố của ta đều do người Pháp sửa sang xây dựng theo những nguyên tắc Mỹ thuật tối tân.

Những khu mới thành lập, với những công-trình kiến trúc và điêu khắc lớn lao, có thể gọi được là những mảnh thành-phố đẹp ở bên Tây mà họ đã mang sang lắp vào với phở-xá cũ của ta.

Đẹp thì có đẹp thực, nhưng cái Mỹ-thuật đó là hoàn-toàn ngoại quốc: nó không biểu lộ tí gì gọi là tâm-hồn nghệ-thuật của người Việt-nam. Nó không phải là Mỹ-thuật nước nhà.

Hơn nữa, những công-trình điêu-khắc đề kỷ niệm danh-nhân của họ, chỉ bêu-dương cái vinh quang của kẻ đi xâm lăng, tức là chỉ phơi bày cái nhuốc-nhơ của người mất nước, thì cái Mỹ-thuật ấy có gì là hân-hạnh cho ta.

2. — *Trần-thiết* — Các bức tân trí thức, phần nhiều dùng đồ đạc kiểu tây.

Đồ trần thiết kiểu tây đẹp lắm, tiện lắm, nhưng cái bộ mặt ngoại quốc của nó khiến cho ta chỉ tưởng chừng như là người ngoại quốc, không có cái tâm hồn Việt nam.

Những nhà giàu sang nền nếp và ở các gia-dình bình dân cách trang hoàng nhà cửa không có gì là mỹ thuật.

3. — *Hóa phẩm.* — Cùng trong một cảnh ngộ, vật cũng không khỏi như người: hai tiếng «nội hóa» cũng hàm cái ý nghĩa kém hèn như hai tiếng «bản xứ».

Muốn được coi ngang hàng với ngoại hóa, và được tiêu thụ dễ dàng, những sản-phẩm của công-nghệ ta đề thay thế các hàng ngoại quốc, cũng phải khoác một cái vỏ ngoài cực kỳ ngoại quốc.

Mỹ-thuật trang-sức cũng phải chiều đời mà đã trá-hình vẽ lối văn-minh cho hàng nội-hóa.

Cứ như những điều nhận xét kể trên, thì nền mỹ-thuật của ta hiện nay có hai trạng-thái khác nhau: — Cái trạng-thái ở phòng triều-lãm thì hẹp-hòi su-mị — Cái trạng-thái trong chốn dân-gian thì phức-tạp. Cả hai khuynh hướng đều có căn-nguyên ở nền giáo-dục khiếm-khuyết và lối làm của trường mỹ-thuật.

Với hai cái trạng-thái ấy, mỹ-thuật của ta tự thú là kém-hèn, thiếu-thốn, khiến cho sức mạnh ở ngoài nó xâm-nập, tràn lan, làm cho cái tinh thần mỹ-thuật của giống-nòi sẵn có từ xưa, trở nên mờ-ám, nếu không có lúc phải tiềm-tan, thì cũng có ngày phải hoàn-toàn ngoại-hóa.

Cái tình-trạng mỹ-thuật điêu-khối ấy cũng là tình-trạng cái tâm-hồn rời rã ngã-ngiêng của một dân-tộc đã bị áp chế lâu ngày, đã chịu nhiều ảnh-hưởng xấu-xa của người ngoại quốc:

AN-SƠN họa-sinh

VŨ - PHẠM KHẢI

(Tiếp theo trang 6)

đốt nến để xem các tập án dần do suy nghĩ, tìm những lẽ cớ tội không được rồi mới huộc tội. Có một án mạng, quan hữu-tự đã huộc tội lầm, đem ra đình duyệt (2), ông Trương Đăng Quế lại bênh vực, bảo là án ấy kết phải, nhưng ông Vũ không theo. Ông Trương nói :

— Tôi phụng duyệt quyết y án ấy.

Ông Vũ nói :

— Tôi ở bộ quyết bác án ấy.

Hai ông thành ra cãi cọ nhau. Ông Trương nói :

— Ông không nghe theo nhời-tôi à ?

Ông Vũ nói :

— Vì pháp luật nên tôi không dám theo ngài.

Ông Hà-Duy phiên sợ hai ông thất hòa, đứng lên điều giải. Ông Vũ nói :

— Ông định bênh tôi hay là bênh ông Trương ? Nếu bênh ông Trương thì thiết tưởng địa vị như Trương tướng-công, không cần phải đến ai bênh cả.

Ông Hoàng Quýnh ở bên cười bảo :

— Ngày nay lại có người dám trái ý một vị đại-thần như vậy ?

Chốc lát hội triều, vua hỏi về án ấy, ông Trương hèn tâu như ý kiến ông Vũ ; ông Vũ thấy vậy cũng phục cái lượng của ông Trương.

Rồi ông cải thụ nhưc Hồng-lô tự - khanh, sung làm Toàn tu ở Quốc-sử-quán. Năm ấy có lễ Ninh-lăng đức Thánh-tổ, vua Hiến-tổ đi chân không đưa đám, khóc lóc thảm thương, ông tiến đến tâu rằng :

— Đạo hiếu của đấng vua là phải lấy tôn miếu làm trọng, thiên-hạ làm trước, xin bệ hạ nên nghĩ kỹ.

Vua cho làm phải.

Năm thứ 2 có việc bang-giao, ngự giá ra Bắc, ông phụng sung vào chức Hộ-Đạo ở kinh, kiêm làm việc Hình - bộ. Xa giá hồi loan, ông lại sung vào chức cũ. Bấy giờ Sử quán soạn bộ Liệt - thánh thực-lục tiền-biên, Thế-tổ Cao hoàng-đế thực-lục chính - biên, và Thánh tổ nhân hoàng - đế thực-lục chính biên. Quốc triều buổi mới xây dựng công việc rất nhiều, mà từ năm Đinh-mùi (1787) trở về trước, sự biên ghi đều thiếu thốn,

từ năm Mậu-thân (1788) đến năm Tân-dậu (1801), những di-thảo còn lại ít nhiều, sự hạ bút biên chép thật là rất khó. Ông cùng với các bạn đồng quan kiếm tìm góp nhặt, trước soạn bộ Tiền biên thực-lục, rồi sau đến những bộ Chính biên. Chánh phó tổng tài ở sử-quán khi ấy là các ông Trương Đăng Quế, Võ xuân-Cần, Hà Duy-Phiên, Nguyễn Trung Mậu, còn những chức Toàn tu như ông thì có các ông Đỗ Quang, Tô Trân và Phạm Hữu-Nghị.

Sử cũ nước ta vẫn có nhiều đở thiếu thốn, ông đã làm việc sử, bên đồ ý thu thập những sách như Hiến-chương, Phả biên lục Bang - giao chí, Thù việc tư tu, Tam bình, Hoàng Lê nhất-thống chí, Tây-sơ liệt truyện, những bản ghi chép về các xứ Trấn-ninh, Trấn-định, Nam-chương, Ai-lao Tiêm-la, Cao-man, Chân-lạp, Trấn-tây cùng các nơi khác, nhất nhất sưu tập lại ; lại thường thu thập như gấu tích giấy má cựu-triều, những tờ chữ vụn vặt ở dân gian, những sự tích bách thần do các làng khai, cho đến những phả ký của các cổ gia, hợp tập cả lại để định số có ngày đem dùng vào việc biên chép cho sử sách. Rất tiếc rằng sau bị hỏa hoạn, bao nhiêu những tài liệu quý báu ấy đều bị thần lửa cướp đi mất.

Năm Thiệu-trị thứ 4 (1844) ông được cải thụ chức Hàn lâm viện Thị độc học sĩ, tham biện công việc tòa Nội-các. Năm thứ 5, thăng Tồn Thông-chính phó sử, vẫn làm việc ở tòa Nội-các. Một hôm làm thơ ứng chế, khi dâng thơ lên, gặp lúc vua đương dùng cơm, ngài xem thơ vui vẻ, rồi sai lấy cơm rượu ngự dụng ban cho. Lại một hôm dâng thơ cùng loại thơ của vua, vua thường sai người ra thức giấc, và hỏi các - thần Vũ phạm Khải đã làm xong chưa, ông nói là còn câu kết chưa xong. Vì sai đọc cho vua nghe rồi tục bộ câu kết. Nhân thế sau trong tờ bêu tạ ông có câu rằng :

« Cấm uyển phi trang, tửu - bát thượng phương chỉ hướng quỳnh duyên tử cá, t' thừa thiên ngữ chỉ ơn. » (3) (còn nữa)
TRUC-KHÉ

(2) Các quan đình-thần duyệt lại.

(3) Vườn cấm cho chén rượu thượng liệc quỳnh hoa cầm thơ thiên ngữ.

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 15

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

Chương thứ mười bốn ở quyển *Việt Nam Văn Học Sử Yếu* của ông Dương quang Hàm nói về « Phép đối và thể phú trong văn Tàu và văn ta : phú văn-tế ». Dưới chữ « đối » ông Hàm chưa « chữ nào là đối ngẫu, đối : sóng nhau ; ngẫu : chẵn, đôi » (trang 126). Chỗ ấy nên thêm hai chữ « biện ngẫu » vì chữ « đối ngẫu » nghĩa thứ nhất là « cặp đôi, sánh đôi » (phối ngẫu), đến nghĩa thứ hai mới là lối văn.

Cùng trang 126, ông Hàm cắt nghĩa « Thể nào là đối ? », rồi ông nói : « ... trong phép đối, vừa phải đối ý vừa phải đối chữ. Xem như không đúng, vì đối có nhiều cách : có khi dùng ý đối nhau, có khi dùng chữ đối nhau ; lại còn có lối đối tiếng, thí-dụ ba chữ « thien tái hạ » nghĩa là « đ.ở nghìn năm » đối với ba chữ « nhất gia xuân » nghĩa là « một nhà xuân » ; cứ kể ra thì chữ « hạ » là « dưới » không thể đối với chữ « xuân » là « mùa xuân », nhưng đối tiếng thì « hạ » đồng âm với chữ « hạ » là « mùa hạ » nên có thể đối được. Còn một lối nữa, là lối đối *thể*, thí dụ câu « Giồng lau hóa mĩa, củ tía hóa củ mài » đối với « Chữ tác danh tộ, chữ ngộ đánh chữ quá » một bên ba chữ « chữ » đối với một bên hai chữ « củ » một chữ « giồng », thì không cân, nhưng đây là lối đối *thể* nên có thể đối được, vì cái *thể* câu bất phải như vậy : *thể* thường là những câu sẵn (thành ngữ) « cách-ngôn, phương-ngôn, tục-ngữ, v. v. » thì câu của ông Hàm nên chữa là trong phép đối, có nhiều cách : có khi dùng chữ khi dùng chữ lại có lối đối tiếng và đối ý nữa » ; chứ không phải trong một câu « vừa phải đối ý vừa phải đối chữ », vì bất buộc cả ý lẫn chữ phải chọi nhau thì khó lắm, ít người làm nổi, mà câu-nệ quá thì hóa nát.

Ông Hàm lại nói : « Ngày xưa các cụ chia các chữ ra làm *thực-tự* hay *chữ nặng* như : trời, đất, cây, cỏ, và *hư-tự* hay *chữ nhẹ* như : thể, mà, vậy, ru... » Đoạn này nên giảng nghĩa cho rõ thể nào là *thực-tự*, *hư-tự*. *Thực-tự* có hai nghĩa : nghĩa thứ nhất là những danh-từ (có tên là *danh-tự*, như : trời, đất) chữ thay danh-từ (có tên là *dại-tự*, như : tôi, anh), động-tự (như : nói, làm), tính-tự (có tên là *hình-dung-tự*, như : lớn, nhỏ) ; phạm chữ gì có thể hình-trạng được, đều là *thực-tự*. Còn *hư-tự* là những chữ trái với *thực-tự*, tức là những tiếng trợ-ngữ. Nghĩa thứ hai : *thực-tự* là những danh-từ, còn ngoài ra đều là *hư-tự*, thí-dụ câu « xuân phong phong nhân, hạ vũ vũ nhân » nghĩa là « gió xuân làm mát người, mưa mùa hè làm ướt người » thì chữ « phong » trên (nghĩa là gió) và chữ « vũ » trên (nghĩa là mưa) là *thực-tự*, còn chữ « phong » dưới (nghĩa là má) và chữ « vũ » dưới (nghĩa là ướt) là *hư-tự*. Nghĩa thứ hai của *thực-tự*, *hư-tự* cũng như nghĩa chữ « nặng », chữ « nhẹ » của các cụ tiền-bối, thí-dụ : « Tôi ăn cơm » thì chữ « tôi » và chữ « cơm » nặng, chữ « ăn » nhẹ. « Đến bữa ăn » thì chữ « ăn » lại là nặng, chữ « đến bữa » là nhẹ. Câu ông Hàm không rõ nên đến câu dưới, là câu : « Khi đối thì *thực-tự* phải đối với *thực-tự*, *hư-tự* phải đối với *hư-tự* » cũng không rõ, vì đã không phân được chữ nào là nặng, chữ nào là nhẹ, thì đối làm sao được ? Vậy đoạn ấy nên chữa như thế này : « Ngày xưa các Cụ chia ra làm chữ nặng chữ nhẹ, cho nên khi đối cũng phải tìm chữ nặng đối với chữ nặng, chữ nhẹ đối với chữ nhẹ, cho cân xứng nhau. Nhưng cũng có một đôi khi không theo lẽ lối ấy, là lối đối *thể* và đối *tiếng* » như trên kia đã nói.

Trang 128, ông Hàm dẫn câu: « Con ruồi đậu mâm xôi đậu; cái kiến bò đĩa thịt bò » làm thí-dụ lối « song-quan » « Hai cửa tức là những câu đối từ năm chữ đến chín chữ ». Chữ « Song » là « hai; đôi » mà câu thí-dụ lại có hai chữ « đậu » đối với hai chữ « bò », « có người tưởng lầm như thế là lối chơi chữ (jeu de mots) của Âu-tây, mà lối cổ của ta gọi là đối tiếng. Vậy nên lấy câu thí-dụ khác, như câu trong Cổ-xúy nguyên-âm của cụ Đồng-châu Nguyễn-hữu Tiển; câu ấy như thế này: « Suối liềm chảy kẻ năm-địa, Đường lợi đua nhau chen-chúc » (trang 62, cuốn thứ nhì).

Trang 129, ông Hàm « định nghĩa Phú (nghĩa đen là bày tỏ, mô-tả) là một thể văn có vần dùng để tả cảnh-vật, phong-tục hoặc tình-tình ». Chỗ chưa « nghĩa đen là bày tỏ, mô-tả » nên xóa đi, vì chữ « Phú » có đến chín nghĩa, nghĩa thứ bảy là « bày tỏ », nghĩa thứ tám là « thể văn », chứ không phải có một nghĩa đen là « bày tỏ » mà thôi. Còn nghĩa là « thể văn » thì thiếu « vịnh sự đời », thí-dụ bài phú *Thế-tục* (trang 63, cuốn thứ nhì, *Cổ-xúy Nguyên-âm*) mở đầu rằng: « Ngán thay thế tục! Ngán thay thế tục! Nước chảy bốn bề, gió hun lửa đục l... » Vậy nên chữa như thế này: « Phú là một thể văn có vần, dùng để vịnh sự đời, tả hoặc vịnh phong-cảnh, tình-tình và phong-tục, không hạn số chữ số câu, nhưng phải đối nhau ».

Trang 131, Dưới chữ *Phu-diễn* nên thêm câu « Hay gọi là văn *thối-hiện*, nghĩa là nói suy rộng ý đầu bài ra, rồi tả văn sau trở đi thì nghị luận mà tổng kết lại » (trang 63 cuốn thứ nhì, *Cổ-xúy Nguyên-âm*).

Trong thể phú không thấy ông Hàm nói đến lối *Sở-từ*. *Sở* là nước, *Sở*, từ là lời. Lưu Hưởng-Bền nhà Hán chép những bài phú của Khuất-Nguyên và Tống-Ngọc làm một quyển, gọi là *Sở-từ*. Khuất-Nguyên người nước Sở, Tống-Ngọc là học-trò cũng người nước Sở, nên gọi là *Sở-từ*. Lối phú ấy thường đệm chữ « *Lê* » ở cuối câu hoặc chỗ ngắt câu. *Cổ-xúy Nguyên-âm* (trang 91, cuối thứ nhì) in bài phú *Thầy-đồ*, nhưng giảng hơi khác, nay

tôi sao ra đây và giảng như sau này:

Ê (1)! thầy đồ chỉ hữu tác hề!
Khương (2) chữ tốt nhì văn hay.
Truyện Thúy-Kiều kỳ đọc ngược hề!
Kinh Tam-tư kỳ viết ngay.
Thi nhân-chính (3) ư khuyên diêm hề!
Trấn thiên-uy (4) ư roi mây.
Dữ lễ-sinh nhì bất nhược hề! (5)
Tỉ đồng lý nhì nan tầy (6)
Phượng (7) nhà chủ chỉ cung đường hề!
Toại (8) ngắt ngưỡng nhì vì thầy.
Cạp (9) nhà chủ chỉ bất cung đường hề!
 Rồi ông xem phà (10) chúng bay!

Nghĩa là:

Ê! thầy đồ sắp tới văn làm nên chẳng!
 Thật là chữ tốt mà văn hay.
Truyện Thúy-Kiều từ thầy đọc ngược,
Kinh Tam-tư từ thầy viết ngay (viết liền).
 Nhượng là: chằm bài khuyên diêm, ấy là thầy thi nhân-clinh đồ.
 Những lúc roi mây đánh đập, ấy là thầy trấn thiên-uy đồ.

Sơ với lễ-sinh thì thầy không bằng,
 Vì với đồng lý thì thầy khó sánh.
 Đương khi nhà chủ còn nuôi,
 Thì thầy ngắt-ngưỡng làm ông thầy.
 Đến khi nhà chủ không nuôi nữa,
 Chúng bay sẽ bắt ông ra làm sao!

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

1) Chữ *Ê* Cổ-xúy nguyên-âm cái nghĩa là *kia*, nhưng tôi tưởng là tiếng chề giễu, bâng g ờ lễ com hây còn dùng.

2) *Khương* g cũ q như chữ *thực*.

3) *Nhân-chính* là *chính-sự nhân-đức*, nói được làm quan văn.

4) *Tấn thiên-uy* là oai trời, nói được làm quan võ.

5) *Lễ-sinh* là chức phụ thuộc của bộ Lễ r g xưa. Bất nhược là không bằng.

6) *Nan tầy*, từ: nan lễ, là khó sánh kịp.

7) *Phượng* là *đương khi*. Cung đường là *cư* nuôi.

8) *Toại* là *bên*.

9) *Cạp* là *kịp*.

10) *Phà* là tiếng *trợ-ngũ* (trợ-lữ).

Chung quanh việc khởi nghĩa Bãi Sậy⁽¹⁾

MỘT ÔNG HUYỆN SUYT BỊ ĐÒN

TIỀN-ĐÀM

Ở dinh ông Công sứ De. M... ra ông huyện P. C. quay lại bảo viên đội lệ:

— Này thầy đội! năm người ấy ta cứ việc đưa nộp quan sứ rồi tùy ngài phân xử, ta biết thế nào mà giải sang Cụ Tiểu! Phải không?

— Dạ!

Vừa đi vừa chuyện.

Cả hai đều lên ngựa đi về phía P. C.

Năm người ấy là ai?

Là hai viên Bá hộ giàu nhất hạt P. C. và 3 viên vừa cử tù cũng trong hạt ấy.

Quan huyện P. C. cũng do chân cử nhân xuất thân còn trẻ lắm, mới ngoài 20 tuổi, nhào lại gộp lý phải bộ sang Pháp ông qua Pláp công cán giờ về được đặc cách bổ tri huyện P. C.

Giống như mọi hạt trong tỉnh Hưng-yên quan Tiểu phủ cũng sai viên Bát phần đem trát về đòi những tên tình nghi là « thông phi » trong hạt P. C...

Trát đến. Ông huyện không ưng đã thết đãi ông Bát tử tế lại xin tự mình, thân dẫn năm tên tình nghi lên tỉnh, nhưng rồi không ông nghĩ sao, đã đem năm người ấy giải sang quan sứ mà quan sứ cũng không rõ đầu đuôi thế nào lại có năm tên « giặc » lạ lùng như vậy.

Sáng hôm ấy, trong dinh tuần phủ Hưng-yên, quan Tiểu phủ ra hầu sớm hơn, ngài băn khoăn như có sự gì không được như nguyện.

Thập thò ngoài hiên có bóng người, ngài lên giọng hỏi:

— Đưa nào ngoài ấy, bay!

Ông Bát — vì chính là ông bát — rón rén vào chào rồi gãi tai bầm:

— Bầm... bầm Cụ Lớn, Lỗi đầu tháng Cụ lớn có sai con xuống P. C... con có gặp anh huyện... nhưng anh ấy khát thân gần cả năm tên lên hầu... rồi....

Đến đây, quan Tiểu phủ nóng mặt cau mày hỏi:

— Rồi sao?

— Dạ... rồi không hiểu sao anh huyện P. C. lại giải năm tên lên cho quan sứ.

— Hừ! quân gớm thật!

Nghe tiếng quan Tiểu phủ « Hừ » ông Bát cả sợ lên lét lui ra đề mặc quan Tiểu phủ với cả nỗi tức giận của ngài

Năm tiếng trống báo dưng dục, lính tập gác dinh Tuần phủ một tên chạy ra mở rộng hai cánh cửa, còn hai tên nữa đứng trước « bốp » gác do viên cai hộ:

« Lê dưng tể tử! » đều bằng súng đứng ngay người chào khi chiếc xe

kéo cao lênh khênh của ông công sứ De M... đi qua, theo sau là xe tay viên thông ngôn.

Bên trong, quan Tiểu phủ mặc áo gấm sa, mũi hồng, đeo bài ngà đứng trên thềm công đường đón chào.

Viên công sứ xuống xe, bỏ mũ niêm nữ bắt tay quan Tiểu phủ, cả hai ngài dầm vào công đường an tọa.

Lính trà rón rén chuyển nước và dâng sau hai quan đầu tỉnh lạng lẽ hai chiếc quạt lông tay đều nhau nhỏ lên hạ xuống đề xua đuổi sức nóng của một buổi sáng hè.

Ông Công sứ sau khi nhấp một chén trà sẽ quay lại tìm viên thông ngôn, viên này tiến lại gần, ông Công sứ nói mấy câu tiếng Pháp, viên thông ngôn dịch:

— Bầm Cụ Lớn! chiều bữa kia, bản chức có tiếp viên tri huyện P. C... thân dẫn năm tên trong hạt là Bá mõ Bá mõ và Cử mõ Tú mõ Tá mõ. Theo nhờ viên ấy trình năm tên này có đi lại với đồ đảng Tân Thuật và giúp đỡ tiền nong việc ấy có phải Cụ Lớn cho trát đòi không? Hiện năm người còn chờ cả bên tòa sứ.

Quan Tiểu phủ mắt chớp hơi nhanh, tay vịn chặt vào dựa ghế bành, ôn tồn giả nhời:

1) xem Trí-Tân số 195 và 196.

— Nhờ thầy thăm với Quan Lớn quả nhà tôi có cho đôi năm tén ky nhưng đã truyền cho tri huyện P. C. xét trước rồi sẽ thăm lên, nếu viên ấy đã thân giải nhăm lên, xin quan Lớn cho lấy cung ngay rồi nếu quả chúng vô can cho họ « tại ngoại ».

Viên thông ngôn nói lại bằng tiếng Pháp ông Công sứ cười mỉm gật đầu ra giáng hiều rồi, sau vài ba câu truyện nữa, xin cáo biệt ra về, quan Tiểu phủ tiễn ra, lĩnh lại bằng sáng chào khi ông công sứ và viên thông ngôn lên xe qua cổng.

Trong công đường tuần phủ, tiếng thét, tiếng mắng lầm lỉ, không biết sáng nay có gì mà lời đình quan Tiểu phủ đã lên đến cực điểm.

Trong lúc ấy tờ tào len lét, lính tráng nín hơi, thì một viên quan trẻ tuổi, đeo bài ngà, xuống ngựa ngoài cổng dinh, bỏ nón, sửa lại khăn áo, gọi tên cai việc sẽ hầu :

— Bác vào thăm hộ Cụ Lớn có tôi tri huyện P. C. xin vào hầu.

Viên cai việc đón đến lên thăm, chhut dép, vào trong, rồi ra nét mặt vẫn còn sợ hãi vì bác viên ấy ra đến thăm, còn có tiếng quát theo.

— Bảo nó lên đây ! !

Ông huyện P. C. lên thăm vào công đường vừa chập tay chào, miệng nói :

— Lạy Cụ Lớn

Thì một tiếng chát, cái ống thuốc tròn bằng bạc đã do tay

quan Tiểu phủ dãn trên mặt sập, tiếp theo một câu nói nửa quát, nửa thét

— À, anh P. C. à anh đã vào mặt lên đây phải không ? anh không coi tôi ra gì phải không ? ai chả biết anh đi tây về ! ai chả biết anh đã ngủi c... tây ! đây anh làm việc với ấy thì sang mà làm với nó ! bước ! bước !

Ông huyện P. C. đứng chập tay mặt tái mét, người run như rế, chưa kịp nói gì, quan Tiểu phủ lại lấy tay chỉ vào mặt ông nói to.

— Nay, tôi truyền đời cho anh biết ! anh tưởng anh lấy thế Tây mà làm gì tôi ! đã thế mai tôi sai lính nọc cò anh ra chợ tỉnh đánh cho mấy chục cho anh biết Tây, anh đã vi lệnh, việc quân, cứ chiếu quân pháp ! nghe chưa !

Rồi như tức đến cực điểm, quan tiểu phủ xuống sập, sỏ chân vào đôi vắn hài hăm hăm đi vào nhà trong bỏ mặc ông huyện P. C... lưng từng lui ra thêm nhà công đường.

Chiều hôm ấy, trong tư thất ông An sát Hưng yên có một bà cụ đang ngồi sụt sịt, còn ông An thì ngồi trên ghế bành đối diện với bà lặng lẽ nghe bà vừa khóc vừa nói :

— Quan Lớn là người tốt, tất cả các quan trong tỉnh đều mến, ngay đến Cụ Tuần cũng nể, quan Lớn làm ơn nói giúp cho nhà huyện nhà tôi nếu

không mai cháu phải đòn thì còn thể diện nào.

Như suy nghĩ, ông An sẽ để cái quạt nan sượng trên bàn, ôn tồn nói.

— Thưa cụ, quan huyện nhà thật sợ y quá ! nay việc đã lỡ, Cụ Tiểu phủ quả nóng... vâng... Cụ đã lên chơi, tôi xin đưa quan huyện sang nói hộ.

Được nhờ như cất gánh nặng, bà cụ quay ra phía sau gọi ông Huyện lúc ấy cũng ngồi sau mẹ, mặt cúi xuống không nói gì cả.

— Nay, anh huyện, thôi anh chịu khó theo quan Lớn sang bên dinh tạ tội đi, cho mẹ khỏi khổ... nhục.

Như cảm động, ông huyện sẽ giả nhờ :

— Vâng.

Trong tư thất nhìn ra vườn hoa thấp thoáng dưới bóng đèn ba giấy, quan Tiểu phủ đang ngồi trên sập sơn son thiếp vàng giữa vào gối xếp, trước mặt có một đĩa to bày hoa quả, ngài vừa dùng cơm xong đang ngồi uống nước. Tên người nhà vào chập tay thăm.

— Bẩm Cụ Lớn có quan An xin vào hầu.

Nét mặt bỗng vui hơn, ông huyện :

— Ra mời quan An vào trong này.

Theo lối giữa vườn hoa, ông An, khăn nhiễu, áo the tiến vào tư thất chập tay chào,

— Lạy Cụ Lớn!

— Không giám! Quan Lớn sang chơi vừa may có n'ăn ngon lợ mới bển lúc chiều, lên đây...

Vừa nói vừa ra hiệu mời ông An ngồi vào sập.

— Cảm ơn Cụ Lớn! chúng tôi không dám.

Cung kính, ông An ngồi vào cái ghế đầu kê cạnh sập, lính truyền trà, hai quan nống một chén trà, ông An bưng một giọng nghiêm trang nói.

— Bẩm Cụ Lớn! vừa rồi ông huyện P. C. vì còn trẻ người non già chót sực phạm đến Cụ Lớn, Cụ Lớn định chiếu quân pháp mai đem đánh đòn ở chợ tỉnh... chúng tôi tưởng... Không kịp đề ông An nói hết, quan Tiểu phủ ngắt lời.

— À cái thằng huyện P. C. tôi đã nhất định cho nó một trận! nó giám trêu cả tôi.

— Dạ, đành vậy, nhưng xin Cụ Lớn nghĩ lại, nếu mai Cụ Lớn truyền đánh ông huyện P. C. dù là một hai roi, nhưng cái thể diện của quan lại tỉnh này rồi ra sao?

— Việc ấy có can gì đến các quan, tội nó làm nó phải chịu tôi không thể tha thằng ấy được!

Lặng im một phút, quan An tiếp.

— Chúng tôi cũng biết cụ Lớn nhất định như thế, nhưng vì quan lại tỉnh này tôi sang xin cụ An có khoan nhất thứ cho ông... nếu ông ta bị đòn, anh em chúng tôi không còn mặt mũi nào

làm việc ở tỉnh này nữa... Cụ Lớn nghĩ lại cho.

Nghe ông An đã nghiêm trang lại bình tĩnh phân trần, quan Tiểu phủ nhường như cũng đã hơi nguôi nguôi:

— Vâng! quan Lớn nói thì tôi nể, nhưng rồi tôi cũng phải trị thằng ấy!

— Bẩm cụ Lớn, cụ Lớn là thượng ti thương đến đầu ông ta nhờ đến đấy... Trộm phép cụ Lớn tôi cũng có bảo ông huyện P. C. cùng sang nhưng còn chờ ngoài sân, xin phép cụ Lớn cho ông ta vào tạ tội.

Thấy quan Tiểu phủ lại ngồi im, đoán biết như ngài đã bằng lòng, ông An sẽ bảo tên lính pha trà ra gọi ông huyện P. C. vào.

Ông huyện P. C. cúi đầu vào đến thêm thấy quan Tiểu phủ ngồi trên sập, dưới ánh đèn hai mắt vẫn còn có vẻ giận giữ, chừng như ông An đã giận rồi nên ông tiến đến trước sập sụp lạy, rồi cứ thế lên gối, xuống gối.

Lạy được hai lạy, quan Tiểu soay người quay mặt vào vách không thèm nhìn ra và cũng không truyền bảo gì cả.

Ông huyện cứ lạy mãi đến hơn 20 lạy, ông An ngồi đấy thấy thế lấy làm bất mãn và cũng thương tình, vội đứng lên kêu xin.

— Bẩm cụ Lớn, thầy huyện P. C. dù sao cũng là tôi con ở hạt họ Cụ Lớn, Cụ Lớn đánh kẻ chạy đi, nhưng không đánh kẻ chạy lại, xin

cụ Lớn người dạn và tha thứ.

Quan Tiểu phủ lúc ấy mới ngồi quay ra, ông An ra hiệu bảo ông huyện đứng lên, chấp tay cúi đầu, quan Tiểu phủ cười gãi nói:

— Tôi cũng khen thầy! thầy làm việc quan giỏi lắm chả giỏi mà lại đi nghĩ c... tây, thầy đã thấy chưa.

Ông huyện sẽ nói.

— Lạy Cụ Lớn, chẳng con chột giải... Xưa cụ Lớn sinh phúc cho... chúng con được nhờ.

Ông An không muốn kéo giải câu truyện với bảo ông huyện.

— Thôi cụ Lớn đã tha tội cho ông rồi, ông chào cụ Lớn rồi ra thu xếp mai về còn lo việc quan.

Được câu đỡ đòn, ông huyện P. C. vội chào lui ra ngay.

Ba tháng sau, ông huyện P. C. tự-nhiên bị gọi về Thống sứ làm việc, sau hồi ra mới biết tại ông « còn ít tuổi không hiểu việc quan nên chưa đủ tư cách ra cai trị dân », nhưng có lẽ đấy là ý kiến riêng quan Tiểu-phủ kiêm Tuần phủ tỉnh Hưng yên.

TIỀN-ĐAM thuật

Muốn làm giàu mua vé số

Dông . Dương

2\$00 một vé